

Bản án số: 34/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 19-11-2024

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn và nợ chung

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Vũ.

Các thẩm phán:

1. Bà Phạm Thị Hồng Vân;

2. Bà Phạm Ngọc Giàu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Trần Khánh Duy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bé Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 31/2024/TLPT-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2024, về việc “Ly hôn; tranh chấp nuôi con, chia tài sản khi ly hôn và nợ chung”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 56/2024/HNGĐ-ST, ngày 22 tháng 7 năm 2024, của Tòa án nhân dân thị xã HT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2024/QĐ-PT, ngày 23 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Hồ Quốc H, sinh năm 1973; nơi ĐKKHKT: Số 5.3 L5, Lô A, đường N, Phường I, Quận E, thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở hiện nay: Số A, đường H, Khu phố D, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Lý Hồng T, sinh năm 1972; cư trú tại: Số A (số mới C), hẻm A, đường H, Khu phố B, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt;

Người đại diện hợp pháp của bà T: Anh Nguyễn Minh S, sinh năm 1985; cư trú tại: Số C, đường X, Khu phố A, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 12-3-2024); có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ngân hàng N2;

Địa chỉ: Số B, L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng Giám đốc;

Địa chỉ Ngân hàng N2 – chi nhánh T3: Số D, đường C, Khu phố C, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Tấn T1, chức vụ: Giám đốc chi nhánh (theo Quyết định số 2665/QĐ-NHNo-PC ngày 01-12-2022);

Người được ông Cao Tấn T1 ủy quyền lại: Ông Trần Minh N – Chức vụ: Cán bộ pháp chế Ngân hàng N2 – chi nhánh T3 (theo Giấy ủy quyền số 251/NHNo.TN ngày 05-02-2024); vắng mặt.

3.2. Bà Trần Kim N1, sinh năm 1968; cư trú tại: Số A, đường T, Khu phố F, thị trấn H, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bà Trần Kim N1: Chị Võ Hương D, sinh năm 1993; cư trú tại: Số B, đường C, Khu phố C, Phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (theo Văn bản ủy quyền ngày 07-4-2023); có mặt.

3.3. Chị Nguyễn Anh T2, sinh năm 1995; cư trú tại: Số nhà A, ấp L, xã L, huyện B, tỉnh Tây Ninh; có đơn xin vắng mặt.

3.4. Anh Nguyễn Anh Đăng K, sinh năm 2000; cư trú tại: Số A, đường T, Khu phố F, thị trấn H, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh; có đơn xin vắng mặt.

Người kháng cáo: Chị Võ Hương D, là người đại diện hợp pháp của bà Trần Kim N1, là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03 tháng 01 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Hồ Quốc H trình bày: Ông và bà Lý Hồng T chung sống từ năm 1995, đăng ký kết hôn ngày 09-12-1996, tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh, hôn nhân tự nguyện. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, vợ chồng thường hay cãi vã, mỗi người đều tự làm theo ý mình, không trao đổi ý kiến với nhau, không ai nhường nhịn ai.

Bà T tự ý vay tiền của nhiều người, sử dụng vào việc gì không cho ông biết, không tôn trọng ý kiến của ông, quan hệ vợ chồng ngày càng mâu thuẫn trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, ông bà sống ly thân từ năm 2022 đến nay. Tình cảm, hạnh phúc vợ chồng không còn, do đó ông yêu cầu ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông và bà T chung sống có 03 người con chung, cháu lớn tên Hồ Lý V1, sinh ngày 23-4-1997; cháu kế tên Hồ Lý Hải V2, sinh ngày 13-4-2000 và cháu Hồ Lý Ngọc A, sinh ngày 30-8-2007. Cháu V1, cháu V2 đã thành niên, có khả năng lao động, sinh sống được nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Ngọc A còn nhỏ, hiện đang sống cùng ông, nên ông yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu và yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 15-7-2024 cho đến khi cháu Ngọc A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Ông và bà T tạo lập được nhà, đất tọa lạc tại địa chỉ số A, đường H, Khu phố D, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, đất thừa số 158, tờ bản đồ số 17, diện tích 112,8 m² và căn nhà xây trên đất, được Ủy ban nhân huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, số vào sổ CH00981, ngày 03-5-2013 cho ông và bà T đứng tên. Ông yêu cầu tài sản chung chia đôi theo quy định của pháp luật, ông xin nhận nhà, đất và đồng ý thanh toán phần của bà T bằng giá trị.

Về nợ chung: Ông và bà T nợ:

- Nợ Ngân hàng N2 – chi nhánh T3 số tiền gốc và tiền lãi đến ngày 22-7-2024 là 6.522.403.802 đồng.

- Nợ bà Nguyễn Thị Mỹ H1 1.000.000.000 đồng. Ngoài ra, ông và bà T không còn khoản nợ chung nào khác.

Nay ông xin ly hôn với bà T, nhưng bà H1 không yêu cầu ông và bà T trả số tiền 1.000.000.000 đồng trong cùng vụ án này. Đối với nợ Ngân hàng N2, ông đồng ý cùng bà T mỗi người có nghĩa vụ trả bằng 50% trong tổng số nợ chung cho Ngân hàng.

Đối với bà N1 khởi kiện bà T, yêu cầu trả số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi 100.015.000 đồng, không phải nợ là chung của vợ chồng, nên ông không đồng ý cùng bà T trả. Về nợ riêng của ông, ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, bà Lý Hồng T trình bày: Về hôn nhân, bà thống nhất với lời trình bày của ông H về thời gian chung sống và có đăng ký kết hôn. Bà và ông H chung sống hạnh phúc, nhưng cách nay khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bà và ông H bất đồng quan điểm trong vấn đề nuôi dạy con; về kinh doanh mỗi người một quan điểm, bà muốn thực hiện việc này, nhưng ông H lại muốn làm việc khác, dẫn đến tranh cãi, không thể chung sống được nữa. Mâu thuẫn ngày càng gay gắt và vợ chồng sống ly thân hơn 01 năm nay, mỗi người đều giữ quan điểm không còn nhường nhịn, quan tâm, chăm sóc cho nhau. Nay tình cảm vợ chồng không còn, nên ông H yêu cầu ly hôn, bà đồng ý.

Về con chung: Bà thống nhất về con chung như ông H trình bày. Cháu V1, cháu V2 đã thành niên, có khả năng lao động, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng cháu Ngọc A đang sống với ông H, bà đồng ý để ông H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, bà đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng từ ngày 15-7-2024 cho đến khi cháu Ngọc A đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Bà và ông H có tài sản chung là nhà, đất như ông H trình bày. Ngoài ra, không còn tài sản nào khác. Bà đồng ý để ông H nhận nhà, đất và có nghĩa vụ thanh toán lại phần của bà bằng giá trị theo định giá.

Về nợ chung: Bà và ông H nợ Ngân hàng N2 – chi nhánh T3 số tiền gốc và tiền lãi tính đến ngày 22-7-2024 là 6.522.403.802 đồng; nợ bà Nguyễn Thị Mỹ H1 1.000.000.000 đồng. Ngoài ra, không còn khoản nợ chung nào khác.

Bà H1 không yêu cầu trả, nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết trong cùng vụ án này. Riêng đối với khoản nợ của Ngân hàng bà yêu cầu chia đôi mỗi người có nghĩa vụ trả 50%/tổng số nợ cho Ngân hàng.

Về nợ riêng: Bà T thừa nhận nợ rất nhiều người và đã giải quyết xong tại Tòa án, nhưng bà chưa thi hành được. Đối với bà N1 khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền vay 500.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 19-7-2022 đến ngày 22-7-2024 là 100.015.000 đồng, bà không đồng ý, vì bà chỉ nợ bà N1 số tiền 1.000.000.000 đồng và đã được giải quyết bằng Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 24/2023/QĐ-CNHGT-DS ngày 15-6-2023 của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh. Do đó, bà không đồng ý với yêu cầu của bà N1.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông Trần Minh N, là người đại diện hợp pháp của Ngân hàng N2 trình bày: Ngân hàng có cho ông H, bà T vay tiền theo 03 hợp đồng tín dụng, cụ thể:

- Hợp đồng tín dụng số 5700-LAV-202207122 ngày 27-12-2022, mục đích sử dụng kinh doanh mặng cầu, phương thức cho vay theo hạn mức, hạn mức vay 5.300.000.000 đồng, nhưng số tiền giải ngân được 4.480.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức 12 tháng, kể từ ngày ký kết hợp đồng vay đến ngày 27-12-2023, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 10%/năm (lãi suất này có điều chỉnh tại thời điểm giải ngân, cụ thể khi giải ngân số tiền bao nhiêu thì ông H, bà T ký nhận nợ và có lãi suất cụ thể được ghi trong giấy nhận nợ). Về phương thức thanh toán, ông H, bà T phải trả nợ gốc và nợ lãi vào ngày đến hạn trả nợ ghi trên giấy nhận nợ.

- Hợp đồng tín dụng số 5700-LAV-202303607 ngày 14-7-2023, mục đích sử dụng vốn vay để mua cây kiểng, phương thức cho vay từng lần, số tiền vay 750.000.000 đồng, thời hạn cho vay 12 tháng, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 11,5%/năm (lãi suất thả nổi, được điều chỉnh theo biến động thị trường). Về phương thức thanh toán, ông H, bà T phải trả nợ ngày 14-7-2023.

- Hợp đồng tín dụng số 5700-LAV-202303998 ngày 09-8-2023, mục đích sử dụng vốn vay để mua đồ gỗ đã qua sử dụng, phương thức cho vay từng lần, số tiền vay 750.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng, kể từ ngày ký kết hợp đồng tín dụng đến hết ngày 09-8-2024, lãi suất cho vay tại thời điểm giải ngân là 11,5%/năm (lãi suất thả nổi, được điều chỉnh theo biến động thị trường). Về phương thức thanh toán, ông H, bà T phải trả nợ theo Phụ lục tiền vay và định kỳ trả nợ kèm theo của hợp đồng tín dụng này.

Để đảm bảo số tiền vay, ông H, bà T ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0512/2015/HĐTC ngày 22-7-2015; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung (cho hợp đồng thế chấp số 0512/2015/HĐTC ngày 22-7-2015) số 09/0512/2015/HĐSĐBS ngày 02-11-2023 cho Ngân hàng quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại thửa số 158, tờ bản đồ số 17, diện tích 112,8 m², tọa lạc tại Khu phố D, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh và căn nhà cấp 3 xây trên đất, 4 tầng, diện tích sàn 395,19 m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00981 được Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Tây Ninh cấp ngày 02-5-2013 cho ông H, bà T đứng tên. Việc thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh T – Chi nhánh thị xã H ngày 02-11-2023.

Ngân hàng yêu cầu ông H, bà T có nghĩa vụ liên đới trả toàn bộ số nợ vay 5.980.000.000 đồng, tiền lãi tạm tính đến ngày 22-7-2024 gồm, lãi trong hạn 459.096.988 đồng; lãi quá hạn 70.190.958 đồng; lãi chậm trả 13.115.854 đồng. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi 6.522.403.802 đồng. Đồng thời, yêu cầu ông H, bà T phải trả lãi tiếp theo, theo mức lãi suất thỏa thuận đã ký cho đến khi trả xong nợ cho Ngân hàng.

Nếu ông H, bà T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm

của ông H, bà T theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Kim N1, người đại diện hợp pháp của bà N1, chị Võ Hương D trình bày: Do quen biết nên bà N1 có cho bà T vay tiền nhiều lần, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 24-10-2019, bà N1 cho bà T vay số tiền 1.000.000.000 đồng, có chữ ký xác nhận của bà T vào giấy vay tiền.

Lần thứ hai: Cách lần thứ nhất khoảng 01 tháng, bà N1 cho bà T vay số tiền 500.000.000 đồng, do tin tưởng nên không làm giấy, nhưng có file ghi âm bà T xác nhận số nợ này (file ghi âm do con gái của bà N1 là chị Nguyễn Anh T2 thực hiện, thiết bị ghi âm là điện thoại Huawei Mate 20X).

Đối với số tiền vay 1.000.000.000 đồng, ngày 24-10-2019 đã được giải quyết theo Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 24/2023/QĐ-CNHGT-DS ngày 15-6-2023 của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; số tiền 500.000.000 đồng, bà N1 nhiều lần yêu cầu trả, nhưng bà T trốn tránh không trả. Bà N1 yêu cầu bà T trả số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 19-7-2022 đến ngày 22-7-2024, theo mức lãi suất 0,83%/tháng (24 tháng 03 ngày), với số tiền 100.015.000 đồng, tổng cộng là 600.015.000 đồng. Chị D xác định đây là nợ riêng của bà T, không liên quan gì đến ông H nên không yêu cầu ông H cùng có nghĩa vụ cùng bà T trả nợ cho bà N1.

Bản án dân sự sơ thẩm số 56/2024/HNGĐ-ST, ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ khoản 24 Điều 3, Điều 33, khoản 1 Điều 34, 55, 59, 62, 81, 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 210, 213, 219, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 7, Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Hồ Quốc H và bà Lý Hồng T.
2. Công nhận sự thỏa thuận của ông Hồ Quốc H và bà Lý Hồng T, cụ thể như sau:

- Về con chung: Ông Hồ Quốc H và bà Lý Hồng T chung sống có 03 con chung tên Hồ Lý V1, sinh ngày 23-4-1997; Hồ Lý Hải V2, sinh ngày 13-4-2000 và Hồ Lý Ngọc A, sinh ngày 30-8-2007. Hồ Lý V1 và Hồ Lý Hải V2 đã thành niên, có khả năng tự lao động, sinh sống được nên ông Hồ Quốc H và bà Lý Hồng T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông Hồ Quốc H được quyền tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Hồ Lý Ngọc A, sinh ngày 30-8-2007. Bà Lý Hồng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng), thời hạn cấp dưỡng từ ngày 15-7-2024 cho đến khi cháu Ngọc A đủ 18 tuổi.

Bà Lý Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày ông Hồ Quốc H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lý Hồng T không thi hành cấp dưỡng số tiền trên, thì hàng tháng bà T còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung: Ông Hồ Quốc H được quyền sử dụng toàn bộ đất và tài sản trên đất tại thửa số 158, tờ bản đồ số 17, diện tích 112,8 m², tọa lạc tại Khu phố D, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (trên đất có nhà ở, diện tích xây dựng 112,8 m², diện tích sàn 395,19 m², nhà cấp 3, số tầng 4), có tứ cận: Đông giáp đường H, dài 5,55m; Tây giáp đường hẻm 8m, dài 5,50m; Nam giáp thửa số 04, dài 20,65m; Bắc giáp thửa số 159, dài 20,65m.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để chuyển quyền sử dụng đất cho ông H đứng tên.

Ông Hồ Quốc H có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chung cho bà Lý Hồng T số tiền 5.450.337.000 đồng (năm tỷ, bốn trăm năm mươi triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

- Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng N2. Buộc ông Hồ Quốc H và bà Lý Hồng T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N2 số tiền nợ gốc 5.980.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính đến ngày 22-7-2024, gồm: Nợ lãi trong hạn 459.096.988 đồng; nợ lãi quá hạn 70.190.958 đồng; nợ lãi chậm trả 13.115.854 đồng. Tổng cộng nợ gốc và nợ lãi 6.522.403.802 đồng (sáu tỷ, năm trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm lẻ ba nghìn, tám trăm lẻ hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp, ông Hồ Quốc H và bà Lý Hồng T không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng, buộc H và bà T có nghĩa vụ giao tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0512/2015/HĐTC ngày 22-7-2015; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung (cho hợp đồng thế chấp số 0512/2015/HĐTC ngày 22-7-2015) số 09/0512/2015/HĐSĐBS ngày 02-11-2023, là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa số 158, tờ bản đồ số 17, diện tích 112,8 m², tọa lạc tại Khu phố D, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh (trên đất có nhà ở, diện tích xây dựng 112,8 m², diện tích sàn 395,19 m², nhà cấp 3, số tầng 4, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp giấy chứng nhận CH00981 được Ủy ban nhân dân huyện H (nay là thị xã H), tỉnh Tây Ninh cấp ngày 02-5-2013 cho ông Hồ Quốc H và bà Lý Hồng T đứng tên), cho Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý kê biên, phát mãi tài sản để thu hồi nợ.

Bà Nguyễn Thị Mỹ H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ 1.000.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ riêng: Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Kim N1 đối với bà Lý Hồng T về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 02-8-2024, chị Võ Hường D, là người đại diện hợp pháp của bà Trần Kim N1 có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử sửa một phần Bản án số 56/2024/HNGĐ-ST, ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã HT, chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của bà N1.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị D giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N1, buộc bà T trả cho bà N1 số tiền vay 500.000.000 đồng và tiền lãi 100.015.000 đồng, tổng cộng là 600.015.000 đồng.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa phúc thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án và quyết định đưa vụ án ra xét xử bảo đảm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; những người tham gia tố tụng thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung: Chị D đại diện cho bà N1 kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận khởi kiện của bà N1 nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh, nên không có cơ sở chấp nhận, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị D; giữ nguyên bản án sơ thẩm; đương sự chịu án phí theo pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Võ Hường D, là người đại diện hợp pháp của bà Trần Kim N1 kháng cáo trong thời hạn quy định của pháp luật, nên đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm theo đơn kháng cáo của chị Võ Hường D, là người đại diện hợp pháp của bà Trần Kim N1, về việc yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận khởi kiện của bà N1 yêu cầu bà Lý Hồng T trả nợ riêng số tiền 500.000.000 đồng và tiền lãi. Kháng cáo của chị D không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Hồ Quốc H và Ngân hàng N2, nên Tòa án không triệu tập ông H, đại diện Ngân hàng tham gia tố tụng tại phiên tòa phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Tại Bản án số 56/2024/HNGĐ-ST, ngày 22-7-2024 của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh xét xử:

[2.1] Về hôn nhân, con chung: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hồ Quốc H và bà Lý Hồng T; giao con chung cháu Hồ Lý Ngọc A, sinh ngày 30-8-2007 cho ông H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; bà T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng tính từ ngày 15-7-2024 cho đến khi cháu Ngọc A đủ 18 tuổi.

[2.2] Về tài sản chung: Ông Hồ Quốc H được quyền quản lý, sử dụng phần đất tại thửa số 158, tờ bản đồ số 17, diện tích 112,8 m², được UBND huyện H (nay là Thị xã H), tỉnh Tây Ninh cấp GCN QSDĐ số vào sổ cấp GCN CH00981 ngày 02-5-2013 cho ông H, bà T đứng tên, tọa lạc tại Khu phố D, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh và căn nhà cấp 3, xây 04 tầng, trên diện tích 112,8 m² (diện tích sàn nhà 395,19 m²). Ông H có nghĩa vụ thanh toán cho bà T số tiền 5.450.337.000 đồng.

[2.3] Về nợ chung: Ông H và bà T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N2 số tiền nợ tổng cộng 6.522.403.802 đồng. Trường hợp, ông H, bà T không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là nhà, đất để thu hồi nợ.

[2.4] Về nợ riêng: Không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà Trần Kim N1 về “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” đối với bà Lý Hồng T.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, chị Võ Hương D, là người đại diện hợp pháp của bà Trần Kim N1 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của bà N1, thấy rằng:

[3.1] Ngày 25-7-2023, bà N1 làm đơn khởi kiện bà T yêu cầu trả số tiền vay 1.500.000.000 đồng, cụ thể: Ngày 24-10-2019, bà T ký giấy vay của bà N1 số tiền 1.000.000.000 đồng; lần thứ hai vay 500.000.000 đồng, do tin tưởng nên không làm giấy nợ. Tại biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 30-5-2023, người đại diện cho bà N1 rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay 500.000.000 đồng; ngày 15-6-2023 Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh ban hành Quyết định công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án số 24/2023/QĐ-CNHGT-DS, buộc bà T có nghĩa vụ trả cho bà N1 số tiền vay 1.000.000.000 đồng.

[3.2] Xét kháng cáo của chị D thấy rằng, giữa bà N1 và bà T có mối quan hệ quen biết và làm ăn kinh doanh vàng, nên có vay, mượn tiền với nhau. Sau khi bà T bề nợ, nên bà N1 thông qua người đại diện khởi kiện đến Tòa án yêu cầu bà T trả số tiền 1.500.000.000 đồng, do nợ nhiều người và cùng bị khởi kiện tại Tòa án, nên khi hòa giải viên hòa giải bà T thừa nhận nợ 1.000.000.000 đồng, nên người đại diện hợp pháp của bà N1, rút lại phần nợ 500.000.000 đồng để nhằm mục đích sớm thỏa thuận được số tiền vay 1.000.000.000 đồng.

[3.3] Đối với số tiền vay 500.000.000 đồng, dù không có giấy nợ nhưng sau khi bà T bề nợ, bà N1 đang chấp hành án, nên chị T2 con bà N1 điện thoại chốt lại số tiền nợ bà N1 cho bà T vay từ năm 2019 và ghi âm lại, trong file ghi âm chị T2 nói: “VẬY DI T CHỐT SỎ LẠI DÙM CON LÀ DI CÒN NỢ MẸ CON TỶ RƯỠI NHA. ĐỂ CON VÔ SỎ CHỨ HÔNG CÓ GÌ HẾT Á. BÀ T TRẢ LỜI: ỦA, RỒI, RỒI. ĐỪNG CÓ DÍ TUI QUÁ ĐỂ TỪ TỪ TUI LO, TUI...TUI”. Bà T thừa nhận giọng nói trong file ghi âm ngày 24-4-2023 chị T2 cung cấp là giọng nói của bà, nhưng không thừa nhận có nợ số tiền 500.000.000 đồng là không có cơ sở. Hơn nữa, từ khi vay số tiền 1.500.000.000 đồng năm 2019 bà T chưa đóng tiền lãi cho bà N1, đến năm 2022 khi bà N1 chấp hành án, thì bà T có chuyển khoản đóng tiền lãi cho bà N1 được 04 lần, qua tài khoản của Nguyễn Anh Đăng K là con bà N1, cụ thể: Ngày 25-3-2022 đóng tiền lãi 30.000.000 đồng; ngày 04-5-2022, đóng tiền lãi 30.000.000 đồng; ngày 27-5-2022 đóng tiền lãi 30.000.000 đồng và ngày 19-7-2022 đóng tiền lãi 30.000.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi bà T

đóng 120.000.000 đồng, phù hợp với mức lãi suất 02%/tháng theo thỏa thuận trên sổ tiền bà N1 cho vay. Từ nhận định trên có cơ sở chấp nhận khởi kiện của bà N1 yêu cầu bà T trả tiền vay 500.000.000 đồng.

[3.4] Về tiền lãi: Từ khi bà T vay tiền đến khi đưa vụ án ra xét xử thời gian gần 05 năm nhưng chị D, người đại diện hợp pháp của bà N1 chỉ yêu cầu bà T trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian 24 tháng 03 ngày là ít hơn nhiều so với thời gian vay tiền, nên không ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T đối với số tiền lãi đã trả trên số tiền vay 500.000.000 đồng (là 40.000.000đồng/120.000.000 đồng tiền lãi bà N1 đã nhận), do đó buộc bà T trả tiền lãi 100.015.000 đồng theo yêu cầu của bà N1.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của chị Võ Hường D, không được chấp nhận; chấp nhận kháng cáo của chị D; sửa bản án sơ thẩm.

[5] Bà N1 khởi kiện yêu cầu bà T trả số tiền vay, tiền lãi tổng cộng là 600.015.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N1 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nhưng không nêu rõ số tiền không được chấp nhận, là không đầy đủ, cần rút kinh nghiệm.

[6] Về án phí: Bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do kháng cáo được chấp nhận, nên bà N1 không phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 33, 55, 59, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 213, 323, 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 7, 8 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; các Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27, 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của chị Võ Hường D, là người đại diện hợp pháp của bà Trần Kim N1; sửa một phần Bản án số: 56/2024/HNGĐ-ST, ngày 22 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã HT, tỉnh Tây Ninh về phần nợ riêng.

2. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Hồ Quốc H và bà Lý Hồng T.

3. Công nhận sự thỏa thuận của ông Hồ Quốc H và bà Lý Hồng T, cụ thể như sau:

3.1. Về con chung: Giao cháu Hồ Lý Ngọc A, sinh ngày 30-8-2007 cho ông Hồ Quốc H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Bà Lý Hồng T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng

(năm triệu đồng), thời hạn cấp dưỡng tính từ ngày 15-7-2024 cho đến khi cháu Ngọc A đủ 18 tuổi.

Bà Lý Hồng T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Kể từ ngày ông Hồ Quốc H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lý Hồng T không thi hành số tiền cấp dưỡng trên, thì hàng tháng bà T còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3.2. Về tài sản chung: Ông Hồ Quốc H được quyền quản lý, sử dụng phần đất tại thửa số 158, tờ bản đồ số 17, diện tích 112,8 m², được Ủy ban nhân dân huyện H (nay là Thị xã H), tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN CH00981 ngày 02-5-2013 cho ông H, bà T đứng tên, tọa lạc tại Khu phố D, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh và căn nhà cấp 3, xây 04 tầng, trên diện tích 112,8 m², có tứ cận: Đông giáp đường H, dài 5,55 m; Tây giáp đường hẻm 8m, dài 5,50 m; Nam giáp thửa số 04, dài 20,65 m; Bắc giáp thửa số 159, dài 20,65 m.

Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Hồ Quốc H đứng tên theo quyết định của bản án này.

3.3. Ông Hồ Quốc H có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản chung cho bà Lý Hồng T số tiền 5.450.337.000 đồng (năm tỷ, bốn trăm năm mươi triệu, ba trăm ba mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Lý Hồng T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hồ Quốc H chưa thi hành số tiền trên, thì hàng tháng ông H còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3.4. Về nợ chung: Buộc ông Hồ Quốc H và bà Lý Hồng T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng N2 số tiền vay 5.980.000.000 đồng (năm tỷ, chín trăm tám mươi triệu đồng) và tiền lãi tính đến ngày 22-7-2024, gồm: Nợ lãi trong hạn 459.096.988 đồng (bốn trăm năm mươi triệu, không trăm chín mươi sáu nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng); nợ lãi quá hạn 70.190.958 đồng (bảy mươi triệu, một trăm chín mươi nghìn, chín trăm năm mươi tám đồng); nợ lãi chậm trả 13.115.854 đồng (mười ba triệu, một trăm mười lăm nghìn, tám trăm năm mươi bốn đồng). Tổng cộng số tiền 6.522.403.802 đồng (sáu tỷ, năm trăm hai mươi hai triệu, bốn trăm lẻ ba nghìn, tám trăm lẻ hai đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận theo Hợp đồng tín dụng đã ký.

Trường hợp, ông Hồ Quốc H và bà Lý Hồng T không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ, thì Ngân hàng N2 có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 0512/2015/HĐTC ngày 22-7-2015; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung (cho hợp đồng thế chấp số 0512/2015/HĐTC ngày 22-7-2015) số 09/0512/2015/HĐSĐBS ngày 02-11-2023, là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với

đất thửa số 158, tờ bản đồ số 17, diện tích 112,8 m², tọa lạc tại Khu phố D, phường L, thị xã H, tỉnh Tây Ninh, trên đất có căn nhà cấp 3, xây 04 tầng, được Ủy ban nhân dân huyện H (nay là Ủy ban nhân dân thị xã H), tỉnh Tây Ninh cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CH00981 ngày 02-5-2013 cho ông Hồ Quốc H và bà Lý Hồng T đứng tên, để thu hồi nợ.

4. Ghi nhận, bà Nguyễn Thị Mỹ H1 không yêu cầu ông Hồ Quốc H và bà Lý Hồng T trả số 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) trong cùng vụ án này.

5. Chấp nhận khởi kiện của bà Trần Kim N1 yêu cầu bà Lý Hồng T trả số tiền vay 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) và tiền lãi 100.015.000 đồng (một trăm triệu, không trăm mười lăm nghìn đồng), tổng cộng 600.015.000 đồng (sáu trăm triệu, không trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bà Trần Kim N1 có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lý Hồng T chưa thi hành số tiền trên, thì hàng tháng bà T còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

6. Về chi phí tố tụng: Ông Hồ Quốc H tự nguyện chịu chi phí phí đo đạc, định giá tài sản số tiền 32.500.000 đồng (ba mươi hai triệu, năm trăm nghìn đồng). Ghi nhận ông H đã nộp và thanh toán xong.

7. Về án phí:

7.1. Ông Hồ Quốc H phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí thuận tình ly hôn; 56.725.000 đồng (năm mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án tiền phí chia tài sản chung; 57.261.000 đồng (năm mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi một nghìn đồng) tiền án phí trả nợ chung. Tổng cộng ông H phải chịu số tiền 114.136.000 đồng (một trăm mười bốn triệu, một trăm ba mươi sáu nghìn đồng). Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 28.800.000 đồng (hai mươi tám triệu, tám trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0010796 ngày 12-01-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Tây Ninh; ông H còn phải nộp 85.336.000 đồng (tám mươi lăm triệu, ba trăm ba mươi sáu nghìn đồng).

7.2. Bà Lý Hồng T phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí thuận tình ly hôn; 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con; 56.725.000 đồng (năm mươi sáu triệu, bảy trăm hai mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí chia tài sản chung; 57.261.000 đồng (năm mươi bảy triệu, hai trăm sáu mươi một nghìn đồng) tiền án phí trả nợ chung, tổng cộng 114.286.000 đồng (một trăm mười bốn triệu, hai trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

7.3. Bà Lý Hồng T phải chịu 28.000.600 đồng (hai mươi tám triệu, sáu trăm đồng) tiền án phí trả nợ riêng.

7.4. Bà Trần Kim N1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà N1 đã nộp 12.996.000 đồng (mười hai triệu, chín trăm chín mươi sáu nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0021935 ngày 11-10-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

7.5. Ngân hàng N2 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng N2 số tiền 57.088.000 đồng (năm mươi bảy triệu, không trăm tám mươi tám nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0010856 ngày 22-02-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

7.6. Bà Trần Kim N1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm; hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm bà N1 đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0011437 ngày 14-8-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã HT, tỉnh Tây Ninh.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

9. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Phòng KTNV&THA TA tỉnh;
- TAND tx HT;
- CCTHADS tx HT;
- Các đương sự;
- Tòa HN&GD;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Quốc Vũ

